

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOẢN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 28529
	Giờ: Ngày 15 tháng 8 năm 12

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 /01/2012 ĐẾN NGÀY 30/06/2012



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN

Số 61 ngõ 562 đường Láng, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tài nguyên ("Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

1. Ông Nguyễn Gia Long	Chủ tịch
2. Ông Trương Sơn Hiền	Thành viên
3. Ông Nguyễn Bá Huân	Thành viên
4. Ông Đoàn Văn Tú	Thành viên
5. Ông Nguyễn Gia Minh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

1. Ông Trương Sơn Hiền	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 03 tháng 07 năm 2012)
2. Ông Vũ Tuấn Hoàng	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 03 tháng 07 năm 2012)
3. Ông Nguyễn Bá Huân	Phó Tổng Giám đốc
4. Ông Đoàn Năng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
5. Ông Vũ Tuấn Hoàng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 03 tháng 07 năm 2012)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phân đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN

Số 61 ngõ 562 đường Láng, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này. Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Tuấn Hoàng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2012



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: +84.4 222 12 891 Fax: +84.4 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 2963/2012/BCSX-IFC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012
đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 của Công ty Cổ phần Tài nguyên

Kính gửi: **Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tài nguyên**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tài nguyên (sau đây gọi tắt là "Công ty") cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 được lập ngày 10 tháng 08 năm 2012 từ trang 5 đến trang 26 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 2 và 3, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra nhận xét về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc soát xét.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để đạt được sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Khúc Đình Dũng
Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0748/KTV
Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2012

Phạm Thị Thu Hương
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1693/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

MÃU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		65.467.729.505	60.374.885.078
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		784.144.354	900.795.450
1. Tiền	111	V.1	784.144.354	900.795.450
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		58.780.161.693	49.638.619.696
1. Phải thu khách hàng	131		52.095.571.997	48.402.930.000
2. Trả trước cho người bán	132		935.960.000	987.060.000
5. Các khoản phải thu khác	135	V.2	5.748.629.696	248.629.696
IV. Hàng tồn kho	140		862.606.636	809.783.636
1. Hàng tồn kho	141	V.3	862.606.636	809.783.636
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.040.816.822	9.025.686.296
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7.815.303	9.822.127
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	15.036.357
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		33.001.519	827.812
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.4	5.000.000.000	9.000.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		82.336.457.075	79.944.338.345
II. Tài sản cố định	220		1.296.261.317	1.468.453.293
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	1.150.769.872	1.310.567.684
- Nguyên giá	222		1.853.727.779	1.853.727.779
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(702.957.907)	(543.160.095)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	37.748.202	50.142.366
- Nguyên giá	228		74.365.000	74.365.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(36.616.798)	(24.222.634)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		107.743.243	107.743.243
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		80.922.832.119	78.269.832.119
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.7	34.060.000.000	31.857.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.8	46.883.550.000	46.433.550.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		200.000.000	200.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(220.717.881)	(220.717.881)
V. Tài sản dài hạn khác	260		117.363.639	206.052.933
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		117.363.639	206.052.933
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		147.804.186.580	140.319.223.423

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		42.606.436.045	34.302.360.163
I. Nợ ngắn hạn	310		41.893.271.422	33.354.369.163
2. Phải trả người bán	312		13.731.980.604	5.580.482.100
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9	87.102.990	49.538.523
5. Phải trả người lao động	315		186.743.700	-
6. Chi phí phải trả	316		17.120.000	17.120.000
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.10	27.870.324.128	27.707.228.540
II. Nợ dài hạn	330		713.164.623	947.991.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.11	713.164.623	947.991.000
B. NGUỒN VỐN	400		105.197.750.535	106.016.863.260
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	105.197.750.535	106.016.863.260
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		85.000.000.000	85.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.165.000.000	2.165.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		18.032.750.535	18.851.863.260
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		147.804.186.580	140.319.223.423



Vũ Tuấn Hoàng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2012

Phạm Văn Triệu
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

Mẫu B 02-DN
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	32.603.042.762	270.000.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		32.603.042.762	270.000.000
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	32.366.020.886	270.000.000
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		237.021.876	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	331.757.423	1.326.755
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	98.887.812	137.737.102
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		98.887.812	137.737.102
8. Chi phí bán hàng	24		4.000.000	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	1.278.658.387	2.223.366.935
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(812.766.900)	(2.359.777.282)
11. Thu nhập khác	31		-	28.671.200
12. Chi phí khác	32		6.345.825	194.151.996
13. Lợi nhuận khác	40		(6.345.825)	(165.480.796)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(819.112.725)	(2.525.258.078)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(819.112.725)	(2.525.258.078)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(96)	(297)



Vũ Tuấn Hoàng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2012

Phạm Văn Triệu
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

Mẫu B 03-DN
Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và DT khác	01	32.160.805.098	293.700.000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(27.476.252.776)	(1.325.068.035)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(369.323.841)	(950.029.589)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(98.887.812)	(137.737.102)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(32.173.707)	(4.911.573.793)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	4.108.438.301	31.785.644.133
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(5.853.187.405)	(6.861.951.948)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.439.417.858	17.892.983.666
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	-	15.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.653.000.000)	(30.652.330.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	331.757.423	1.326.755
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.321.242.577)	(15.651.003.245)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(234.826.377)	(249.252.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(234.826.377)	(249.252.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(116.651.096)	1.992.728.421
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	900.795.450	3.243.143.398
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	784.144.354	5.235.871.819



Vũ Tuấn Hoàng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2012

Phạm Văn Triệu
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tài Nguyên là Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư Tài Nguyên theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần lần đầu số 0103018230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 07 năm 2007. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 10 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 04 tháng 07 năm 2012, theo đó số vốn điều lệ của Công ty là 85.000.000.000 đồng (tám mươi lăm tỷ đồng), tương ứng với 8.500.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/1cổ phần.

Đến ngày 30 tháng 06 năm 2012, Công ty Cổ phần Tài Nguyên có 02 Công ty con cụ thể như sau:

- 1 - Tên Công ty : Công ty Cổ phần Sản phẩm bất động sản Tài Nguyên
Địa chỉ : Số 17, Lô 2A đường Trung Yên 1, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
Hoạt động chính : Kinh doanh dịch vụ bất động sản
Giá trị đầu tư ghi nhận tại Công ty tại ngày 30/06/2012: 5.980.000.000 đồng
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 92%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 92%
- 2 - Tên Công ty : Công ty Cổ phần Xây dựng Tài Nguyên Hà Nội
Địa chỉ : Số 17, Lô 2A đường Trung Yên 1, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
Hoạt động chính : Xây dựng nhà các loại, bán buôn xi măng sắt thép...
Giá trị đầu tư ghi nhận tại Công ty tại ngày 30/06/2012: 28.080.000.000 đồng
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 93,6%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 93,6%

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 là 12 người.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101881347 đăng ký thay đổi lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 04 tháng 07 năm 2012, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng, bạc, đá quý và kim loại Nhà nước cấm);
- Tư vấn đầu tư (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính);
- Môi giới, xúc tiến thương mại;
- San lấp mặt bằng các công trình xây dựng;
- Thi công xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách;
- Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ du lịch khác (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán Bar, vũ trường);
- Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Kinh doanh bất động sản;

Ngành nghề kinh doanh (Tiếp theo)

- Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);
- Kinh doanh các dịch vụ về môi trường;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán Bar, vũ trường);
- Tư vấn lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Tư vấn, giới thiệu việc làm trong nước (trừ các hoạt động môi giới, xuất khẩu lao động và tuyển dụng cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới bất động sản, định giá bất động sản và quản lý điều hành sàn giao dịch bất động sản; Đào tạo tin học văn phòng; Đào tạo ngoại ngữ: Tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Nhật; tiếng Hàn Quốc (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại; và
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản (dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ đầu giá bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Đồng thời, Công ty cũng đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng phải thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải	07
Thiết bị dụng cụ quản lý	03

Các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh và công ty liên kết được kế toán và trình bày trên Báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc. Giá gốc của khoản đầu tư tại ngày lập Báo cáo tài chính là tài sản thực đã đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh và công ty liên kết, được đánh giá hợp lý và/hoặc được các đồng chủ sở hữu (nếu có) hoặc của bên chuyển nhượng khoản đầu tư chấp nhận.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên doanh và công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là các khoản thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc của khoản đầu tư tương ứng. Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trong kỳ. Giá vốn của chứng khoán đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Các khoản đầu tư được phân loại và trình bày trên Báo cáo tài chính dựa vào thời gian thu hồi hoặc đáo hạn. Cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba (03) tháng kể từ thời điểm phát sinh được coi là khoản "tương đương tiền";
- Đối với các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn đến một (01) năm hoặc một (01) chu kỳ kinh doanh được phân loại là khoản đầu tư tài chính ngắn hạn;
- Đối với các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn trên một (01) năm hoặc một (01) chu kỳ kinh doanh được phân loại là khoản đầu tư tài chính dài hạn;

Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư tài chính khác tại ngày lập Báo cáo tài chính được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán và các khoản đầu tư khác.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ, chi phí cải tạo văn phòng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác một phần được tập hợp vào chi phí để tính giá thành và một phần được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích theo hướng dẫn của Nghị định 127/2008/NĐ - CP của Chính phủ ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2008.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

V.1 Tiền

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	751.988.926	868.511.726
Tiền gửi ngân hàng	32.155.428	32.283.724
Cộng	784.144.354	900.795.450

V.2 Các khoản phải thu khác

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu khác	5.748.629.696	248.629.696
Cộng	5.748.629.696	248.629.696

V.3 Hàng tồn kho

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí SXKD dở dang	862.606.636	809.783.636
Cộng	862.606.636	809.783.636

V.4 Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	5.000.000.000	9.000.000.000
Cộng	5.000.000.000	9.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

V.5 Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	1.702.756.393	150.971.386	1.853.727.779
Tại ngày 30/06/2012	-	-	-
	1.702.756.393	150.971.386	1.853.727.779
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2012	418.349.293	124.810.802	617.037.788
Khấu hao trong kỳ	141.896.370	17.901.442	159.797.812
Tại ngày 30/06/2012	560.245.663	142.712.244	776.835.600
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2012	<u>1.284.407.100</u>	<u>26.160.584</u>	<u>1.310.567.684</u>
Tại ngày 30/06/2012	<u>1.142.510.730</u>	<u>8.259.142</u>	<u>1.150.769.872</u>

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, giá trị còn lại của tài sản cố định dùng để thế chấp cho các khoản vay là 1.132.382.024 đồng.

V.6 Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2012	74.365.000	74.365.000
Tại ngày 30/06/2012	74.365.000	74.365.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2012	24.222.634	24.222.634
Khấu hao trong kỳ	12.394.164	12.394.164
Tại ngày 30/06/2012	36.616.798	36.616.798
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2012	<u>50.142.366</u>	<u>50.142.366</u>
Tại ngày 30/06/2012	<u>37.748.202</u>	<u>37.748.202</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

V.7 Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về khoản đầu tư tại các công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 như sau:

<u>Công ty con</u>	<u>Tại ngày 30/06/2012</u>		<u>Tại ngày 01/01/2012</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty Cổ phần sản Bất động sản Tài Nguyên (*)	598.000	5.980.000.000	598.000	5.980.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Tài nguyên Hà Nội (**)	2.808.000	28.080.000.000	2.587.700	25.877.000.000
Cộng		34.060.000.000		31.857.000.000

(*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần sản Bất động sản Tài Nguyên số 0103903765 thay đổi lần thứ 5 ngày 16 tháng 01 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, tổng vốn điều lệ là 6.500.000.000 đồng. Đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2012, các cổ đông đã góp đủ vốn.

(**) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần Xây dựng Tài Nguyên Hà Nội số 0104562719 thay đổi lần thứ sáu ngày 10 tháng 10 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn pháp định và vốn điều lệ của Công ty lần lượt là 6.000.000.000 đồng và 30.000.000.000 đồng. Đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2012, các cổ đông đã góp đủ vốn.

V.8 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Thông tin chi tiết về khoản đầu tư tại các công ty liên kết, liên doanh của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 như sau:

<u>Công ty liên kết, liên doanh</u>	<u>Tại ngày 30/06/2012</u>		<u>Tại ngày 01/01/2012</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên Đất Việt (*)	450.000	13.500.000.000	450.000	13.500.000.000
Góp vốn liên doanh dự án Khu nhà ở, dịch vụ thương mại và văn phòng làm việc tại Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội (**)		25.783.550.000		25.333.550.000
Góp vốn liên doanh vào Công ty Cổ phần Phú Hà Hòa Bình (***)	760.000	7.600.000.000	760.000	7.600.000.000
Cộng		46.883.550.000		46.433.550.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

V.8 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh (Tiếp theo)

(*) Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên Đất Việt được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103023482 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 04 năm 2008, thay đổi lần 1 ngày 16 tháng 09 năm 2009. Vốn điều lệ là 15 tỷ đồng. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên Đất Việt là thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản. Tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Tài Nguyên trong Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên Đất Việt là 30%.

(**) Đây là khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 18/2009/HĐHTKD ngày 25 tháng 05 năm 2009 về việc hợp tác đầu tư, quản lý, khai thác và kinh doanh dự án khu nhà ở, dịch vụ thương mại và văn phòng làm việc tại Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội. Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh này, Công ty Cổ phần Tài Nguyên cùng với 3 đối tác khác sẽ cùng góp vốn và quản lý dự án nêu trên. Tỷ lệ vốn góp của mỗi đối tác là 25%. Lợi nhuận (hoặc lỗ) được phân chia theo tỷ lệ vốn góp.

(***) Công ty Cổ phần Phú Hà Hòa Bình được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5400340634 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp ngày 29 tháng 01 năm 2011. Đăng ký thay đổi lần 2 ngày 11 tháng 05 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 đồng. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Phú Hà - Hòa Bình là khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Tài Nguyên trong Công ty Cổ phần Phú Hà - Hòa Bình là 52%. Theo Quyết định số 12/10/QĐ-CPTN ngày 25 tháng 09 năm 2011, Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết định bán 280.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Phú Hà Hòa Bình cho Công ty TNHH Long Phát. Sau khi chuyển nhượng cổ phần trên Công ty Cổ phần Tài Nguyên chỉ còn giữ 760.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Phú Hà - Hòa Bình, chiếm 38% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Phú Hà Hòa Bình.

V.9 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	24.055.944	-
Thuế thu nhập cá nhân	63.047.046	49.538.523
Cộng	87.102.990	49.538.523

V.10 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	22.600.000.000	22.600.000.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hải Vân (*)	10.000.000.000	10.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Vietnamnet (**)	12.600.000.000	12.600.000.000
Vay Công ty Cổ phần Phú Hà Hòa Bình	5.086.828.461	5.085.100.000
BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	183.495.667	22.128.540
Cộng	27.870.324.128	27.707.228.540

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

V.10 Các khoản phải trả, phải nộp khác (Tiếp theo)

(*) Hợp đồng vay tiền số 2711/2009/HĐVT ký ngày 27/11/2009 được ký giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Vân và Công ty Cổ phần Tài Nguyên về việc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Vân cho Công ty Cổ phần Tài Nguyên vay vốn không chịu lãi suất. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Vân được hưởng quyền nhận chuyển nhượng hai sàn căn hộ chung cư từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 18/2009/HDHTKD ngày 25 tháng 05 năm 2009 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội số 41, Công ty Cổ phần Tài Nguyên, Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Tây Bắc, Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hải Vân và Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 09/2009/HDHTKD ngày 1 tháng 6 năm 2009 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội số 41 và Tổng Công ty Thành An - Bộ Quốc phòng.

(**) Hợp đồng vay tiền số 06/2011/HĐVT và số 07/2011/HĐVT ký giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Vietnam Net và Công ty Cổ phần Tài Nguyên về việc Công ty Cổ phần Đầu tư Vietnam Net cho Công ty Cổ phần Tài Nguyên vay vốn với lãi suất là 0,6%/năm. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Vietnam Net được quyền mua một khu đất nền với diện tích là 3.000 m² đã hoàn thiện hạ tầng và đủ điều kiện được chuyển nhượng theo quy định của pháp luật của Công ty Cổ phần Tài Nguyên đầu tư tại Dự án Kiều Kị - Gia Lâm - Hà Nội. (thời hạn vay là 1 năm nếu bên vay có nhu cầu gia hạn thì trước khi hết hạn phải thông báo cho bên cho vay).

V.11 Vay và nợ dài hạn

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải (*)	195.000.000	240.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (**)	71.914.623	172.491.000
Vay Ngân hàng TMCP Quốc Tế-CN Hà Nội (***)	446.250.000	535.500.000
Cộng	713.164.623	947.991.000

(*) Khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng Hải theo hợp đồng tín dụng số 1/SGD-PGDTT-CC/BD ngày 03 tháng 08 năm 2009. Mục đích vay để mua xe ô tô Innova. Thời gian vay là 60 tháng. Lãi suất của khoản vay này được tính bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng của Ngân hàng TMCP Hàng Hải cộng (+) với 4%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.

(**) Khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Nam Á theo hợp đồng tín dụng số 15.200909.03/HDTD ngày 23 tháng 09 năm 2009. Mục đích vay để mua xe ô tô Kamaz. Thời gian vay là 36 tháng. Lãi suất của khoản vay này được xác định tại thời điểm giải ngân là 0.875%/tháng và được điều chỉnh theo thông báo của Seabank từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.

(***) Khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam - chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 10.11.10.116 ngày 24 tháng 12 năm 2011. Mục đích vay để thanh toán một phần tiền mua xe ô tô Camry. Thời gian vay là 48 tháng. Lãi suất của khoản vay này được xác định tại thời điểm giải ngân là 19%/năm áp dụng theo lãi suất thả nổi điều chỉnh 3 tháng/lần, bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh VND kỳ hạn 3 tháng của VIB cộng (+) 5%/năm, chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của VIB tại mỗi thời kỳ. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

V.11 Vay và nợ dài hạn (Tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	340.414.623	498.504.000
Trong năm thứ 2	372.750.000	449.487.000
Cộng	713.164.623	947.991.000

V.12 Vốn chủ sở hữu

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2011	85.000.000.000	2.165.000.000	18.413.756.723	105.578.756.723
Lợi nhuận năm trước	-	-	438.106.537	438.106.537
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư tại ngày 01/01/2012	85.000.000.000	2.165.000.000	18.851.863.260	106.016.863.260
Lỗ trong kỳ	-	-	(819.112.725)	(819.112.725)
Số dư tại ngày 30/06/2012	85.000.000.000	2.165.000.000	18.032.750.535	105.197.750.535

b) Cổ phiếu

	30/06/2012	01/01/2012
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.500.000	8.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.500.000	8.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.500.000	8.500.000
- Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao q	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.500.000	8.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.500.000	8.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

VI.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 VND	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 VND
Doanh thu bán hàng	32.490.542.762	270.000.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	112.500.000	-
Cộng	32.603.042.762	270.000.000

VI.2 Giá vốn hàng bán

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 VND	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 VND
Giá vốn hàng hóa bán ra	32.276.020.886	270.000.000
Giá vốn dịch vụ	90.000.000	-
Cộng	32.366.020.886	270.000.000

VI.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 VND	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	331.757.423	1.326.755
Cộng	331.757.423	1.326.755

VI.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 VND	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 VND
Lãi tiền vay	98.887.812	137.737.102
Cộng	98.887.812	137.737.102

VI.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 VND	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 VND
Chi phí nhân viên quản lý	657.233.351	1.145.218.887
Chi phí đồ dùng văn phòng	31.159.884	48.155.091
Chi phí khấu hao tài sản cố định	172.191.976	178.136.734
Thuế, phí và lệ phí	4.035.000	49.124.227
Chi phí dịch vụ mua ngoài	373.923.447	714.725.433
Chi phí khác bằng tiền	40.114.729	88.006.563
Cộng	1.278.658.387	2.223.366.935

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC

VII.1 Công cụ tài chính

Áp dụng quy định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày, thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.10 "Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác" và V.11 "Vay và nợ dài hạn" trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số VI. "Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu".

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	784.144.354	900.795.450
Phải thu khách hàng và phải thu khác	57.844.201.693	48.651.559.696
Đầu tư dài hạn	80.922.832.119	78.269.832.119
Cộng	139.551.178.166	127.822.187.265
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	713.164.623	947.991.000
Phải trả người bán và phải trả khác	41.602.304.732	33.287.710.640
Chi phí phải trả	17.120.000	17.120.000
Cộng	42.332.589.355	34.252.821.640

VII.1 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Tuy nhiên Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày 30 tháng 6 năm 2012.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không có giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII.1 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
Tại ngày 30/06/2012			
Các khoản vay	340.414.623	372.750.000	713.164.623
Phải trả người bán và phải trả khác	41.602.304.732	-	41.602.304.732
Chi phí phải trả	17.120.000	-	17.120.000
Cộng	41.959.839.355	372.750.000	42.332.589.355
Tại ngày 01/01/2012			
Các khoản vay	498.504.000	449.487.000	947.991.000
Phải trả người bán và phải trả khác	33.287.710.640	-	33.287.710.640
Chi phí phải trả	17.120.000	-	17.120.000
Cộng	33.803.334.640	449.487.000	34.252.821.640

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII.1 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
Tại ngày 30/06/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	784.144.354	-	784.144.354
Phải thu khách hàng và phải thu khác	57.844.201.693	-	57.844.201.693
Đầu tư dài hạn	80.922.832.119	-	80.922.832.119
Cộng	139.551.178.166	-	139.551.178.166
Tại ngày 01/01/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	900.795.450	-	900.795.450
Phải thu khách hàng và phải thu khác	48.651.559.696	-	48.651.559.696
Đầu tư dài hạn	78.269.832.119	-	78.269.832.119
Cộng	127.822.187.265	-	127.822.187.265

VII.2 Thông tin các bên liên quan

Trong kỳ hoạt động, Công ty đã có giao dịch với các bên có liên quan:

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 VND	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 VND
Đầu tư vào Công ty con	2.203.000.000	24.000.000.000
- Đầu tư vào Công ty Cổ phần Sản Bất động sản Tài Nguyên	-	24.000.000.000
- Đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng Tài Nguyên Hà Nội	2.203.000.000	-
Góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết	450.000.000	6.955.100.000
- Đầu tư vào Công ty Cổ phần Phú Hà Hòa Bình	-	5.155.100.000
- Góp vốn liên doanh dự án Khu nhà ở, dịch vụ thương mại và văn phòng làm việc tại Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội	450.000.000	1.800.000.000
	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Các khoản tạm ứng	5.000.000.000	6.500.000.000
Ông Trương Sơn Hiền	2.000.000.000	2.000.000.000
Ông Nguyễn Bá Huân	2.000.000.000	2.000.000.000
Ông Vũ Tuấn Hoàng	1.000.000.000	2.500.000.000
Các khoản đi vay	5.086.828.461	5.085.100.000
Công ty Cổ phần Phú Hà Hòa Bình	5.086.828.461	5.085.100.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII.2 Thông tin các bên liên quan (Tiếp theo)

Doanh thu cho thuê văn phòng trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 như sau:

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 VND	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 VND
- Cho Công ty CP sản Bất động sản tài nguyên thuê văn phòng	50.000.000	130.000.000
- Cho Công ty CP Xây dựng tài nguyên Hà Nội thuê văn phòng	27.500.000	80.000.000

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 VND	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 VND
Lương, thưởng và các khoản phụ cấp của Ban Giám đốc, HĐQT	202.000.000	462.000.000

VII.3 Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

VII.4 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh cho Bảng Cân đối kế toán là số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh cho Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ là các số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 đã được soát xét.



Vũ Tuấn Hoàng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2012

Phạm Văn Triệu
Kế toán trưởng